

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk

Mã chứng khoán: EAD

Trụ sở chính: Phòng 6, Tầng 2, khu B, chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn
Công Trứ, Phường Tự An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Điện thoại: 0262 2240159

Fax: 0262 3950817

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Quang Toàn - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 231 Lý Thường Kiệt, P. Thắng Lợi, TP Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

ĐT di động: 0905002939

ĐT cố định: 0262 2240159

Fax: 0262 3950817

Loại thông tin công bố: ☒ 24h, ☐ 72h, ☐ Yêu cầu, ☐ Bất thường, ☐ Định kỳ

Nội dung công bố:

- Nghị quyết số 75/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 05 năm 2020 về việc thông
qua một số nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

- Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

(File điện tử được đăng tải tại địa chỉ: [http:// www.dphc.com.vn](http://www.dphc.com.vn)).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đắk Lắk, Ngày 30 tháng 05 năm 2020

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Nguyễn Quang Toàn

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN
ĐIỆN LỰC
ĐẮK LẮK**

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN
LỰC ĐẮK LẮK
DN: C=VN, S=ĐẮK LẮK,
L=TP.Buôn Ma Thuột,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK
LẮK,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.
1=MST:6000596136
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2020-06-02 16:01:33

Số: 75/2020/NQ-ĐHĐCĐ

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 05 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk;
- Biên bản họp đại hội đồng cổ đông ngày 30/05/2020

QUYẾT NGHỊ

Ngày 30/05/2020, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk được tổ chức tại 65 Phan Chu Trinh, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với sự tham gia của 28 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 1.955.360 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 67,97% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 2: Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 3: Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.



- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

1. Phân phối lợi nhuận năm 2019

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 chuyển qua:	47.946.843	đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019:	6.349.913.284	đồng
Tổng Lợi nhuận:	6.397.860.127	đồng
Phân phối Lợi nhuận như sau:		
1.1. Trích quỹ khen thưởng tỷ lệ 4%/LN 2019:	253.996.531	đồng
1.2. Trích quỹ phúc lợi tỷ lệ 2%/LN 2019:	126.998.266	đồng
1.3. Trích quỹ Đầu tư phát triển 0,5%/VĐL	143.890.000	đồng
1.4. Chia cổ tức cho cổ đông tỷ lệ 20%/VĐL: (Đã tạm ứng: 14%/VĐL)	5.755.600.000	đồng
Chuyển lợi nhuận qua năm 2020:	117.375.330	đồng

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 chuyển qua:	117.375.330	đồng
Dự kiến Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020:	6.161.233.150	đồng
Tổng Lợi nhuận dự kiến :	6.278.608.480	đồng
Phân phối Lợi nhuận như sau:		
2.1. Dự kiến trích quỹ khen thưởng tỷ lệ 4%/LN 2020:	246.449.326	đồng
2.2. Dự kiến trích quỹ phúc lợi tỷ lệ 2%/LN 2020:	123.224.663	đồng
2.3. Dự kiến trích quỹ Đầu tư phát triển 0,5%/VĐL	143.890.000	đồng
2.3. Dự kiến chia cổ tức:	5.755.600.000	đồng
(Tỷ lệ chia cổ tức trên vốn chủ sở hữu: 20%)		
Chuyển lợi nhuận qua năm 2021:	9.444.491	đồng

Giao cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh lựa chọn thời gian thích hợp để tạm ứng, chi cổ tức cho cổ đông.

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 6: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

- Sản lượng điện thương phẩm	23.500.000	kW/h
- Tổng doanh thu	26.424.492.000	Đồng
- Tổng chi phí	19.924.615.000	Đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế	6.499.877.000	Đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế	6.161.233.150	Đồng

2. Kế hoạch chi phí năm 2020

- Chi phí lãi vay	5.949.145.000	Đồng
- Khấu hao TSCĐ	5.437.325.000	Đồng
- Phân bổ CPDH	500.000.000	Đồng



- Chi phí hoạt động công ty	4.317.682.000	Đồng
+ Tổng quỹ lương (1,7%/Doanh thu +1,6 tỷ đồng)	2.047.516.000	Đồng
+ Các khoản trích theo lương	481.166.000	Đồng
+ Chi tiền ăn ca	189.000.000	Đồng
+ Chi phí mua bảo hiểm công trình	300.000.000	Đồng
+ Chi phí SCTX + bảo dưỡng	650.000.000	Đồng
+ Chi phí khác	650.000.000	Đồng
- Tiền thù lao HĐQT + BKS + Thư ký HĐQT	222.000.000	Đồng
- Thuế tài nguyên nước	2.190.717.000	Đồng
- Phí dịch vụ môi trường rừng	846.000.000	Đồng
- Phí cấp quyền khai thác nước	291.120.000	Đồng
- Chi nghỉ dưỡng, tham quan, học tập ...	170.626.000	Đồng

3. Xác định quỹ lương năm 2020

Cách xác định quỹ lương năm 2020 bằng 1,7% doanh thu bán điện thương phẩm cộng với 1.600.000.000 đồng)

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 7: Thông qua thù lao của HĐQT và BKS năm 2020

Chủ tịch HĐQT	5.000.000	Đồng/người/tháng
Thành viên HĐQT	3.000.000	Đồng/người/tháng
Trưởng ban kiểm soát	3.000.000	Đồng/người/tháng
Thành viên ban kiểm soát	1.500.000	Đồng/người/tháng
Thư ký HĐQT	1.500.000	Đồng/người/tháng

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 8: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2020

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 9: Thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2019.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

00592
ÔNG T
PHÁ
Y Đ
N L
K L
HUOT

- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk gồm 9 điều được thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCK HN
- Cổ đông EAD;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Trọng



BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk.

Giấy Chứng nhận ĐKDN số 6000596136 (số cũ 4003000102) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 31/10/2006, cấp thay đổi lần thứ 06 ngày 19/05/2016.

Thời gian: 8 giờ 00 thứ 7 ngày 30 tháng 05 năm 2020.

Địa điểm: Hội trường Nhà hàng Khách sạn Cao Nguyên số 65 Phan Chu Trinh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

I. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

- Người báo cáo: Bà: Lê Nữ Hồng Nhung – Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát
- Nội dung báo cáo:
 - Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến 16h ngày 20/03/2020, sở hữu 2.877.800 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk.
 - Cổ đông tham dự Đại hội: 20 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 1.955.360 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 67,95 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
 - Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

II. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phiếu.

1. Đoàn Chủ tịch:

Ông Nguyễn Đức Trọng

Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Quang Toàn

Thành viên HĐQT

Ông Bùi Văn Tuấn

Thành viên HĐQT

2. Thư ký:

Hoàng Xuân Tứ, Thư ký.

Hồ Thị Thanh Thủy, Thư ký.

3. Ban Kiểm Phiếu:

Trần Kỳ Hải, Trưởng Ban Kiểm Phiếu

Mai Thị Thu Thảo, Thành viên Ban Kiểm phiếu

Nguyễn Văn Phụng, Thành viên Ban Kiểm phiếu

Đại hội nhất trí thông qua danh sách danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban Kiểm Phiếu.

III. Giới thiệu Chương trình Đại hội

Ông Nguyễn Đức Trọng – chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Đại hội thông qua Chương trình Đại hội

PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

- Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 - Người trình bày: Nguyễn Quang Toàn;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch năm 2020 - Người trình bày: Nguyễn Quang Toàn;
- Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2019 - Người trình bày: Nguyễn Đức Trọng;
- Báo cáo Ban kiểm soát năm 2019 - Người trình bày: Lê Nữ Hồng Nhung;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 - Người trình bày: Nguyễn Quang Toàn;
- Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2019 - Người trình bày: Nguyễn Đức Trọng;
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 - Người trình bày: Nguyễn Đức Trọng;
- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 - Người trình bày: Nguyễn Đức Trọng;
- Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 - Người trình bày: Nguyễn Đức Trọng;
- Tờ trình thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 - Người trình bày: Nguyễn Đức Trọng;
- Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020 - Người trình bày: Nguyễn Đức Trọng;
- Tờ trình thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2019 - Người trình bày: Nguyễn Đức Trọng;

PHẦN III. Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ GIẢI ĐÁP CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH:

Stt	Ý kiến của Cổ đông	Giải đáp của Chủ trì Đại hội	Ghi chú
1.	Đánh giá tình trạng hiện hữu của mái kênh dẫn của Nhà máy hiện nay và đề nghị có hướng giải quyết đảm bảo an toàn cho vận hành Nhà máy.	Ban Giám đốc đã báo cáo HĐQT thuê tư vấn đánh giá tình trạng kỹ thuật của kênh dẫn, kết luận: Mái kênh (trong và ngoài) đều đủ điều kiện vận hành ít nhất trong 5 năm tới. Ban Giám đốc sẽ theo dõi, kiểm tra thường xuyên kênh dẫn, báo cáo và đề xuất các vấn đề phát sinh trong quá trình vận hành cho HĐQT.	
2.	Đề nghị giải thích rõ về giá bán điện thương phẩm, và có phương pháp tăng thêm giá bán điện thương phẩm.	Hiện nay giá bán điện được thực hiện theo quy định của Bộ Công thương, và sản lượng điện sản xuất hiện nay hoàn toàn phụ thuộc vào tình hình thời tiết.	
3.	Đề nghị HĐQT và BGD kiểm tra, rà soát các vấn đề về thuế đảm bảo đúng quy định của pháp luật nhà nước.	Hiện nay Công ty tuân thủ đúng mọi quy định của pháp luật Nhà nước về thuế và các vấn đề liên quan. Cơ quan thuế đã kiểm tra đến năm 2016 và đã có thông báo kiểm tra từ năm 2017 đến năm 2018 trong thời gian đến.	
4.	Đề nghị Ban Giám đốc có phương án kiểm tra tình trạng kỹ thuật của hệ thống tiếp địa nhà máy, hạn chế thiệt hại về thiết bị do bị sét đánh.	Ban Giám đốc đã tổ chức đo tiếp địa nhà máy, kết quả điện trở toàn nhà máy là 2,7/4,0 Ohm, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật. Công ty đã đầu tư 03 hệ thống chống sét hạ thế trong nhà máy tại các vị trí có nguy cơ bị sét đánh.	
5.	Xem xét vấn đề trả lương cho CBCNV Công ty hợp lý và phù hợp với điều kiện sản xuất nhằm kích thích năng suất lao động của CBCNV.	HĐQT và BGD đề xuất tổng quỹ lương cho năm 2020: gồm 1,7% (doanh thu) + 1,6 tỷ đồng. Đây là mức chi hợp lý và phù hợp với điều kiện của Công ty hiện nay. Về thù lao HĐQT và BKS giữ nguyên theo mức của năm 2019, không tăng thêm.	

Stt	Nội dung ý kiến	Giải đáp	Ghi chú
6.	Đề nghị xem xét, đề xuất phương án đầu tư Điện mặt trời.	Việc đầu tư xây dựng nhà máy điện mặt trời hiện nay đang gặp khó khăn về các quy định hiện hành của Nhà nước, huy động nguồn vốn. Do đó, đề nghị không đưa việc đầu tư điện mặt trời vào trong kế hoạch hoạt động của Công ty trong năm 2020 (Đại hội đã biểu quyết thông qua).	

PHẦN IV. CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 2: Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 3: Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

1. Phân phối lợi nhuận năm 2019

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 chuyển qua:	47.946.843	đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019:	6.349.913.284	đồng
Tổng Lợi nhuận:	6.397.860.127	đồng
Phân phối Lợi nhuận như sau:		
1.1. Trích quỹ khen thưởng tỷ lệ 4%/LN 2019:	253.996.531	đồng
1.2. Trích quỹ phúc lợi tỷ lệ 2%/LN 2019:	126.998.266	đồng
1.3. Trích quỹ Đầu tư phát triển 0,5%/VĐL	143.890.000	đồng
1.4. Chia cổ tức cho cổ đông tỷ lệ 20%/VĐL: (Đã tạm ứng: 14%/VĐL)	5.755.600.000	đồng
Chuyển lợi nhuận qua năm 2020:	117.375.330	đồng

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 chuyển qua:	117.375.330	đồng
Dự kiến Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020:	6.161.233.150	đồng
Tổng Lợi nhuận dự kiến :	6.278.608.480	đồng
Phân phối Lợi nhuận như sau:		
2.1. Dự kiến trích quỹ khen thưởng tỷ lệ 4%/LN 2020:	246.449.326	đồng
2.2. Dự kiến trích quỹ phúc lợi tỷ lệ 2%/LN 2020:	123.224.663	đồng
2.3. Dự kiến trích quỹ Đầu tư phát triển 0,5%/VĐL	143.890.000	đồng
2.3. Dự kiến chia cổ tức:	5.755.600.000	đồng
(Tỷ lệ chia cổ tức trên vốn chủ sở hữu: 20%)		
Chuyển lợi nhuận qua năm 2021:	9.444.491	đồng

Giao cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh lựa chọn thời gian thích hợp để tạm ứng, chi cổ tức cho cổ đông.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 6: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

- Sản lượng điện thương phẩm	23.500.000	kW/h
- Tổng doanh thu	26.424.492.000	Đồng
- Tổng chi phí	19.924.615.000	Đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế	6.499.877.000	Đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế	6.161.233.150	Đồng
2. Kế hoạch chi phí năm 2020	19.924.615.000	Đồng
- Chi phí lãi vay	5.949.145.000	Đồng
- Khấu hao TSCĐ	5.437.325.000	Đồng
- Phân bổ CPDH	500.000.000	Đồng

- Chi phí hoạt động công ty	4.317.682.000	Đồng
+ Tổng quỹ lương (1,7%/Doanh thu +1,6 tỷ đồng)	2.047.516.000	Đồng
+ Các khoản trích theo lương	481.166.000	Đồng
+ Chi tiền ăn ca	189.000.000	Đồng
+ Chi phí mua bảo hiểm công trình	300.000.000	Đồng
+ Chi phí SCTX + bảo dưỡng	650.000.000	Đồng
+ Chi phí khác	650.000.000	Đồng
- Tiền thù lao HĐQT + BKS + Thư ký HĐQT	222.000.000	Đồng
- Thuế tài nguyên nước	2.190.717.000	Đồng
- Phí dịch vụ môi trường rừng	846.000.000	Đồng
- Phí cấp quyền khai thác nước	291.120.000	Đồng
- Chi nghỉ dưỡng, tham quan, học tập ...	170.626.000	Đồng

3. Xác định quỹ lương năm 2020

Cách xác định quỹ lương năm 2020 bằng 1,7% doanh thu bán điện thương phẩm cộng với 1.600.000.000 đồng)

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 7: Thông qua thù lao của HĐQT và BKS năm 2020

Chủ tịch HĐQT	5.000.000	Đồng/người/tháng
Thành viên HĐQT	3.000.000	Đồng/người/tháng
Trưởng ban kiểm soát	3.000.000	Đồng/người/tháng
Thành viên ban kiểm soát	1.500.000	Đồng/người/tháng
Thư ký HĐQT	1.500.000	Đồng/người/tháng

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 8: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2020

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 9: Thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2019.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 1.955.360 cổ phần, chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0,0 % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0,0% số cổ phần có quyền biểu quyết.

PHẦN V: THÔNG QUA BIÊN BẢN CUỘC HỌP

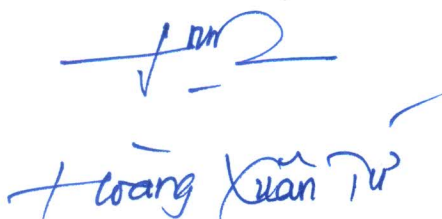
Người trình bày: Ông: Hoàng Xuân Tứ đọc biên bản cuộc họp

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với 100 % số phiếu tán thành.

Biên bản nay được lập thành 04 bản và được lưu tại Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk.

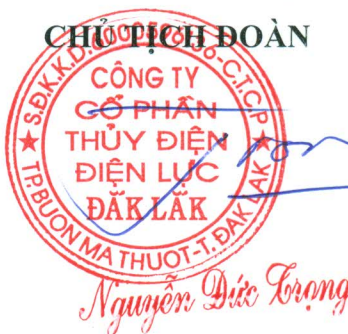
Đại hội kết thúc 11 giờ 00 cùng ngày.

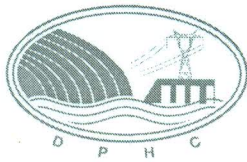
THƯ KÝ ĐẠI HỘI


Hoàng Xuân Tứ

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH ĐOÀN


Nguyễn Đức Trọng



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Phòng 6, tầng 2, Khu B, Chung Cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, P. Tụ An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

ĐT: (0262) 2240159 Fax: (0262) 3950817 Website: www.dphc.com.vn

Đắk Lắk, ngày 11 tháng 05 năm 2020

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội Đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020 với nội dung cụ thể như sau:

- 1. Thời gian Tổ chức đại hội:** 8h00, Thứ bảy - ngày 30/05/2020 (đón khách từ 7h00)
- 2. Địa điểm:** Hội trường Nhà hàng Khách sạn Cao Nguyên số 65 Phan Chu Trinh, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.
- 3. Nội dung đại hội:**

Tài liệu, nội dung ĐHĐCĐ thường niên 2020 được Công ty đăng tải tại **website: www.dphc.com.vn** từ ngày **24/03/2020** và gửi bản in đến Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội.

4. Đăng ký dự họp:

Để chuẩn bị cơ sở vật chất đón tiếp Đại biểu, Quý Cổ đông vui lòng *Đăng ký dự Đại hội* tại Văn Phòng Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk hoặc gửi *Giấy đăng ký tham dự Đại hội* về địa chỉ dưới đây **trước 14h00 ngày 28/05/2020**.

5. Ủy quyền tham dự đại hội:

Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng điền vào mẫu *Giấy ủy quyền dự Đại hội* và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây **trước 14h00 ngày 28/05/2020** hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự Đại hội.

(Lưu ý: Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì cần có dấu của tổ chức ủy quyền.)

6. Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:

Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk

- Địa chỉ: Phòng 6, tầng 2, Khu B, Chung Cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, P. Tụ An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại: (0262) 2240159 - Fax: (0262) 3950817
- Email: maithuthao@gmail.com, thuydieneadrang2@gmail.com

Liên hệ: Mai Thị Thu Thảo (0906492277), Hồ Thị Thanh Thủy (0905323877)

Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu.
- Giấy ủy quyền (Nếu có);

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Trân trọng !

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Trọng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỢP HOẶC ỦY QUYỀN

THAM DỰ HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi: Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk

Tên cổ đông:

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số: cấp ngày tại Công An

Địa chỉ:

Tổng số cổ phần đại diện hoặc sở hữu: cổ phần

(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)

1. ĐĂNG KÝ DỰ HỢP ☐

2. ỦY QUYỀN CHO ÔNG/BÀ DƯỚI ĐÂY ☐

Ông/Bà: MSCĐ (nếu có)

CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số: cấp ngày tại

Địa chỉ:

Số cổ phần ủy quyền:

Lưu ý: Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, quý cổ đông vui lòng ủy quyền cho thành viên HĐQT của công ty theo danh sách dưới đây:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đánh dấu chọn	Số CP ủy quyền
01	Nguyễn Đức Trọng	Chủ tịch HĐQT		
02	Nguyễn Quang Toàn	Thành viên HĐQT		
03	Bùi Văn Tuấn	Thành viên HĐQT		

(Lưu ý: Vui lòng đánh dấu (X) bên cạnh tên thành viên mà quý cổ đông chọn ủy quyền, chỉ chọn ủy quyền cho một người toàn bộ số cổ phần sở hữu; trường hợp muốn ủy quyền cho nhiều người, đề nghị quý cổ đông ghi rõ số lượng cổ phần ủy quyền cho từng thành viên).

Nội dung ủy quyền:

- Bên nhận ủy quyền được thay mặt cho Bên ủy quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk để thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.
- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Lưu ý:

- Bên nhận ủy quyền không được ủy quyền số lượng cổ phần sở hữu của mình và/hoặc của bên ủy quyền cho người khác, và phải mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu khi đi dự họp.
- Nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức.
- Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi là giấy ủy quyền Bản chính và có chữ ký sống của hai bên, nếu bên ủy quyền hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của đại diện pháp luật và dấu của tổ chức. Giấy ủy quyền này sẽ hết giá trị khi buổi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk kết thúc.

Ngày ____ tháng ____ năm ____

Cổ đông/Bên ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Bên nhận ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Phòng 6, tầng 2, Khu B, Chung Cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, P. Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

ĐT: (0262) 2240159 Fax: (0262) 3950817 Website: www.dphc.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH

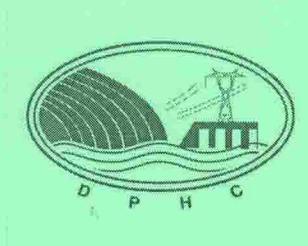
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

(Bắt đầu lúc 08h00 ngày 30 tháng 05 năm 2020)

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
7h00-8h00	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông; - Kiểm tra tư cách đại biểu, phát thẻ biểu quyết và Tài liệu Đại hội	Ban tổ chức
8h00 – 8h10	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; - Tuyên bố lý do; - Giới thiệu & Thông qua Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu; - Giới thiệu Ban thư ký Đại hội.	Ban tổ chức
8h10 – 8h20	- Thông qua Quy chế làm việc - Thông qua chương trình Đại hội.	Chủ tịch đoàn
8h20 – 9h10	Các báo cáo tại Đại hội: - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch năm 2020; - Báo cáo của Hội đồng quản trị; - Báo cáo của Ban Kiểm soát; - Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019.	Đoàn chủ tịch Đại diện BKS
9h10 – 10h30	Nội dung tờ trình: - Tờ trình Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019; - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020; - Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; - Tờ trình thù lao HĐQT, BKS 2020; - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020; - Tờ trình thông qua Báo cáo tình hình Quản trị Công ty năm 2019 Đại hội thảo luận các nội dung, biểu quyết thông qua nội dung đề trình của HĐQT	Đoàn chủ tịch
10h30–11h00	Đại hội giải lao – kiểm phiếu - Ban kiểm phiếu làm việc	Ban kiểm phiếu
11h00–11h15	Công bố kết quả kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu
11h15–11h30	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội; - Tuyên bố bế mạc Đại hội;	Đoàn chủ tịch/ Ban Thư ký



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN

ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Tháng 04/2020



Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Phòng 6, tầng 2, Khu B, Chung Cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn
Công Trứ, P. Tụ An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

ĐT: (0262) 2240159 Mail: thuydieneadrang2@gmail.com Website: dphc.com.vn

**QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK
NĂM 2020**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk.

ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk năm 2020 được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền

Điều 4. Điều kiện tiến hành ĐHĐCĐ

- ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

Điều 5. Đại biểu tham gia ĐHĐCĐ thường niên năm 2020

- Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 20/03/2020 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được uỷ quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- Đại biểu khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với BTC;
- Trong thời gian diễn ra Đại hội, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
- Các đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép;

Điều 6. Đoàn Chủ tọa

- Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội. Chủ tọa đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - a. Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa:

Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 7. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - b. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
 - c. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu
Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
 - Thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;

Điều 10. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;
- Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa đoàn nhất trí mới được phát biểu. Nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:

- Trên cơ sở ý kiến của đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020: Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết.

Quy chế làm việc Đại hội cổ đông thường niên năm 2020

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 20/03/2020) tổng số cổ phần của Công ty là: 2.877.800 cổ phần tương đương với 2.877.800 quyền biểu quyết.
 - Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1, Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
 - Lưu ý, cổ đông/ đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 3, Điều 162, Luật doanh nghiệp 2014).
4. Ghi nhận kết quả biểu quyết
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ

Điều 12. Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội

Điều 13. Thi hành Quy chế

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của ĐHĐCĐ.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

NGUYỄN ĐỨC TRỌNG

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH 2020

I. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY:

- Công ty cổ phần thủy điện điện lực Đắk Lắk được thành lập thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 30 tháng 9 năm 2006.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 6000596136 do sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2006. Thay đổi lần thứ 6 ngày 19 tháng 05 năm 2016
- Vốn điều lệ: 28.778.000.000 đồng.
- Trụ sở chính: Phòng 6, Tầng 2, Khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, Phường Tự An, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Đầu tư xây dựng, khai thác, quản lý vận hành các Nhà máy thủy điện vừa và nhỏ.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Các chỉ tiêu SXKD năm 2019

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ (%)
A	Sản lượng điện	kWh	21.000.000	23.292.779	110,92
B	Kế hoạch SXKD				
I	Tổng doanh thu	Đồng	24.124.000.000	26.274.422.137	108,91
1	Doanh thu điện thương phẩm	Đồng	24.024.000.000	26.092.365.066	108,61
2	Doanh thu tài chính	Đồng	100.000.000	182.057.071	182,06
II	Chi phí phát sinh trong năm	Đồng	19.379.909.000	19.522.840.670	100,74
1	Chi phí lãi vay	Đồng	6.420.797.000	6.465.754.646	100,70
2	Khấu hao TSCĐ	Đồng	5.464.695.000	5.435.197.137	99,46
3	Phân bổ CPDH	Đồng	400.000.000	357.000.470	89,25
4	Chi phí hoạt động công ty	Đồng	3.878.475.000	3.625.228.998	93,47
-	Quỹ lương (7%/Doanh thu)	Đồng	1.681.680.000	1.826.465.555	108,61
-	Các khoản trích theo lương	Đồng	395.195.000	428.416.800	108,41
-	Chi tiền ăn ca	Đồng	201.600.000	195.240.000	96,85
-	Chi phí mua bảo hiểm công trình	Đồng	300.000.000	294.333.230	98,11
-	Chi phí thường xuyên + bảo dưỡng	Đồng	650.000.000	261.470.584	40,23
-	Chi phí khác	Đồng	650.000.000	621.396.011	95,28
5	Tiền thù lao HĐQT + BKS + Thụ ký HĐQT	Đồng	222.000.000	222.000.000	100,00
6	Thuế Tài nguyên nước	Đồng	* 1.806.683.000	2.165.436.739	119,86

7	Phí dịch vụ môi trường rừng	Đồng	756.000.000	838.540.044	110,92
8	Phí cấp quyền khai thác nước	Đồng	291.119.000	291.119.000	100,00
9	Chi nghỉ dưỡng, tham quan, học tập ...	Đồng	140.140.000	122.563.636	87,46
III	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	4.744.091.000	6.751.581.467	142,32
IV	Thu nhập khác	Đồng	0	209.400.000	
V	Chi phí khác	Đồng	0	262.341.511	
VI	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	4.744.091.000	6.698.639.956	141,20
VII	Thuế TNDN	Đồng	250.855.000	348.622.013	138,97
VIII	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	4.493.236.000	6.349.913.284	141,32
IX	Quỹ khen thưởng	Đồng	179.729.000	253.996.531	141,32
X	Quỹ phúc lợi	Đồng	89.865.000	126.998.266	141,32
XI	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	143.890.000	143.890.000	100,00
XII	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	1.468	2.074	141,32

0000
CÔNG
CƠ P
HUY
DIỆN
ĐẮK
NATH

Ghi chú: Lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định bằng lợi nhuận sau thuế trừ đi Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Không trừ quỹ đầu tư phát triển.

b. Công tác an toàn, vệ sinh lao động:

- Tổ chức kiểm tra định kỳ việc thực hiện quy trình kỹ thuật an toàn lao động cho công nhân vận hành.
- Tổ chức diễn tập các nội dung trong các phương án PCLB, PCCC.
- Huấn luyện vệ sinh an toàn lao động cho người sử dụng lao động và người lao động.
- Kiểm tra chấn chỉnh kịp thời việc chấp hành các quy trình, quy phạm kỹ thuật an toàn, việc sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động của CBCNV.
- Tổ chức kiểm tra, khám sức khỏe định kỳ, trang bị đầy đủ phương tiện, dụng cụ bảo hộ lao động cho CBCNV.

c. Công tác tiền lương, chế độ bảo hiểm và các chế độ phúc lợi khác với người lao động:

Trong năm, Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ 2019.

Tham gia đóng đầy đủ BHXH, BHYT và BHTN cho người lao động trong Công ty.

Tổ chức tham quan nghỉ dưỡng cho người lao động và chi trả các khoản phúc lợi khác theo quy chế của Công ty.

d. Nộp thuế và các nghĩa vụ khác

Trong năm 2019, Công ty nộp đủ các khoản thuế VAT, Thuế TNCN, thuế TNDN, thuế tài nguyên nước và phí dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định của pháp luật.

III./ Tình hình công nợ của Công ty

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tên nhà thầu	Số dư đầu kỳ (ngàn đồng)	Số phát sinh năm 2019		Số dư cuối kỳ (ngàn đồng)
			Tăng nợ (ngàn đồng)	Trả nợ (ngàn đồng)	
1	Nợ trung hạn : Ngân hàng Sacombank Đắk Lắk	93.816	2.606	96.422	0
	Trong đó: Gốc	93.260	0	93.260	0
	Lãi	556	2.606	3.162	0
2	Công ty XD 470	2.252.917	0	1.252.917	1.000.000
	Trong đó: Gốc	0		0	0

	Lãi	2.252.917		1.252.917	1.000.000
3	Nợ dài hạn Ngân hàng OCB Đắk Lắk	60.143.940	6.463.148	10.420.141	56.186.947
	Trong đó: Gốc	60.077.398		3.953.390	56.124.008
	Lãi	66.542	6.463.148	6.466.751	62.939
	Tổng cộng	62.490.673	6.465.754	11.769.480	57.186.947

IV./ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ TIỀN
A	Sản lượng điện	kWh	23.500.000
B	Kế hoạch SXKD		
I	Tổng doanh thu	Đồng	26.424.492.000
1	Doanh thu điện thương phẩm	Đồng	26.324.492.000
2	Doanh thu tài chính	Đồng	100.000.000
II	Chi phí phát sinh trong năm	Đồng	19.924.615.000
1	Chi phí lãi vay	Đồng	5.949.145.000
2	Khấu hao TSCĐ	Đồng	5.437.325.000
3	Phân bổ CPDH	Đồng	500.000.000
4	Chi phí hoạt động công ty	Đồng	4.317.682.000
-	Tổng quỹ lương (1,7%/Doanh thu +1,6 tỷ đồng)	Đồng	2.047.516.000
-	Các khoản trích theo lương	Đồng	481.166.000
-	Chi tiền ăn ca	Đồng	189.000.000
-	Chi phí mua bảo hiểm công trình	Đồng	300.000.000
-	Chi phí SCTX + bảo dưỡng	Đồng	650.000.000
-	Chi phí khác	Đồng	650.000.000
5	Tiền thù lao HĐQT + BKS + Thư ký HĐQT	Đồng	222.000.000
6	Thuế tài nguyên nước	Đồng	2.190.717.000
7	Phí dịch vụ môi trường rừng	Đồng	846.000.000
8	Phí cấp quyền khai thác nước	Đồng	291.120.000
9	Chi nghỉ dưỡng, tham quan, học tập ...	Đồng	170.626.000
III	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	6.499.877.000
IV	Thuế TNDN	Đồng	338.643.850
V	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	6.161.233.150
VI	Quỹ khen thưởng	Đồng	246.449.326
VII	Quỹ phúc lợi	Đồng	123.224.663
VIII	Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	287.780.000
IX	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	2.012

V./ Những việc đã thực hiện trong năm 2019 và những việc cần thực hiện trong năm 2020:

1. Những việc đã thực hiện trong năm 2019

- Tổ chức thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động cho CBCNV, đảm bảo vận hành an toàn cho người và thiết bị. Khai thác có hiệu quả nguồn nước về để đạt doanh thu cao nhất;
- Bảo dưỡng định kỳ các tổ máy phát, turbine; kiểm tra, thí nghiệm các thiết bị điện
- Lập các phương án PCTT, phòng chống lũ hạ du định kỳ hàng năm.

96/3
ĐY
HÀ
ĐI
LƯ
LÀ
UOT

2. Những việc cần thực hiện trong năm 2020

- Tổ chức thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động cho CBCNV, đảm bảo vận hành an toàn cho người và thiết bị. Khai thác có hiệu quả nguồn nước về để đạt doanh thu cao nhất;
- Tổ chức nạo vét định kỳ lòng hồ đập chính theo các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Bảo dưỡng định kỳ các tổ máy phát, turbine; kiểm tra, thí nghiệm các thiết bị điện
- Bảo dưỡng hầm van xả khu vực máy phát;
- Lập các phương án PCTT, phòng chống lũ hạ du định kỳ hàng năm.
- Lắp đặt hệ thống quan trắc thủy văn theo quy định tại Thông tư 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường.
- Thuê đơn vị tư vấn đo địa hình khu vực hạ du đập thủy điện Ea Đrăng 2 để có cơ sở pháp lý lập phương án viết phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp theo quy định tại thông tư 09/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 07 năm 2019 của Bộ Công Thương.

Thưa đại hội!

Trên đây là toàn bộ báo cáo về kết quả thực hiện SXKD năm 2019 và kế hoạch hoạt động trong năm 2020 của Công ty CP thủy điện Đắk Lắk. Rất mong sự đóng góp ý kiến của Quý cổ đông.

Kính chúc quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Chúc đại hội thành công tốt đẹp.
Trân trọng!

Giám đốc



Nguyễn Quang Toàn

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ Điều lệ của Công ty CP thủy điện điện lực Đắk Lắk đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 30/9/2006;

Hội đồng quản trị Công ty CP thủy điện điện lực Đắk Lắk báo cáo với Đại hội kết quả hoạt động năm 2018 và định hướng cho năm 2019 như sau:

PHẦN I:
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2019

1. Cơ cấu nhân sự của HĐQT trong năm 2019:

Trong năm 2019, cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk vẫn không có sự thay đổi, bao gồm 3 thành viên, cụ thể như sau:

- Ông: Nguyễn Đức Trọng : Chủ tịch
- Ông: Nguyễn Quang Toàn : Thành viên
- Ông Bùi Văn Tuấn : Thành viên

2. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2019:

a. Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2019	THỰC HIỆN		So sánh (%)	
				TH 2019	TH 2018	TH/KH 2019	TH2019/ TH2018
A	B	C	1	2	3	4=2/1	5=2/3
1	Điện thương phẩm	Triệu Kwh	21,00	23,29	25,87	110,92	90,03
2	Tổng thu nhập	Triệu đồng	24.124	26.274	29.510	108,91	89,03
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	19.380	19.575	20.619	101,01	94,94
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	4.744	6.699	8.891	141,21	75,34
5	Thuế TNDN	Triệu đồng	251	349	461	139,04	73,70
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	4.493	6.350	8.430	141,33	75,32
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/ cổ phiếu	1.468	2.074	2.754	141,32	75,31

b. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019:

STT	Đầu mục công việc	Tiến độ thực hiện
1	Lựa chọn thời gian tạm ứng cổ tức, năm 2019 căn cứ trên tình hình sản xuất kinh doanh, và tình hình thanh khoản của Công ty	Đã hoàn thành việc tạm ứng 14%

2	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019	Vượt kế hoạch ĐHĐCĐ giao
3	Kế hoạch chi phí năm 2019	Chi trong định mức ĐHĐCĐ giao (Ngoại trừ các chi phí chạy theo sản lượng như: thuế TN, tiền lương và phí dịch vụ môi trường rừng)
4	Mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong năm 2019	Thực hiện chi trả thù lao hàng tháng theo mức thù lao đã được ĐHĐCĐ thông qua
5	Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019	Đã hoàn thành. Công ty kiểm toán được lựa chọn: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng
6	Nghiên cứu khảo sát tính khả thi để tiến hành lắp đặt điện mặt trời trong khuôn viên nhà máy	Sau khi khảo sát hiện trường nhà máy, xem xét tính pháp lý của các quy định về đầu tư dự án năng lượng mặt trời. 1. Với dự án điện mặt đất: Nhà nước đang tạm dừng quy hoạch; đường dây 22kV không còn khả năng truyền tải. 2. Với dự án tấm pin áp mái: Mái nhà hiện có khoảng 400m ² với công suất lắp đặt khoảng 70kWp, và tại thời điểm khảo sát, giá điện FIT đã gần hết hiệu lực nên Hội đồng quản trị quyết định chờ có giá điện mới tiến hành xem xét đầu tư.

50005
CÔNG
CỐ PH
HỦY
DIỆN
ĐẮK
TÀ TH

c. Tình hình hoạt động của HĐQT trong năm 2019:

Trong năm 2019, Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty luôn trung thành với lợi ích của Cổ đông, lợi ích của Công ty. Thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ trên tinh thần trách nhiệm, trung thực, cẩn trọng và theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty nhằm đảm bảo Công ty hoạt động hiệu quả, ổn định và phát triển.

Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã đề ra.

Trong năm đã tổ chức 07 cuộc họp chính thức, ngoài ra còn thường xuyên trao đổi về tình hình sản xuất kinh doanh, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức theo đúng quy định pháp luật trên cơ sở phát huy dân chủ, tạo điều kiện để các thành viên thể hiện vai trò trách nhiệm của mình. Các cuộc họp đều có biên bản, những vấn đề quan trọng đều ra nghị quyết cụ thể. Biên bản và nghị quyết đều được lưu giữ theo đúng quy định. HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, các ủy viên HĐQT đều tích cực hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ.

d. Thù lao của HĐQT trong năm 2019:

Căn cứ vào kế hoạch chi thù lao cho HĐQT, mức thù lao của từng thành viên thực chi theo đúng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua.

e. Thực hiện trách nhiệm với cổ đông:

HĐQT luôn tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông. Đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình cụ thể như sau:

- Chỉ đạo công bố đầy đủ, rõ ràng thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, tháng, năm trên trang web của Công ty.

- Chỉ đạo giải quyết kịp thời các thắc mắc của cổ đông. Hỗ trợ cổ đông điều chỉnh các thông tin cá nhân, hỗ trợ cổ đông lưu ký trên sàn chứng khoán khi có yêu cầu.

- Chuẩn bị đầy đủ, chu đáo các nội dung trình ĐHĐCĐ. Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo đúng quy định

f. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

Đại diện 2 trong 3 thành viên HĐQT là Giám đốc và Phó Giám đốc Công ty nên HĐQT đã kết hợp hài hòa giữa các hoạt động của HĐQT với nhiệm vụ giám sát việc điều hành của Ban Giám đốc. Trong các kỳ họp của HĐQT các báo cáo, đề xuất của Ban Giám đốc đã được lắng nghe, trao đổi, chất vấn rất cụ thể. Các vấn đề phát sinh đã được giải quyết kịp thời. Đánh giá chung Ban Giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ, điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Mọi hoạt động của Công ty đều tuân thủ pháp luật.

PHẦN II: PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

Năm 2020, giá bán điện theo mùa tăng khoảng gần 13,5% nhưng giá công suất giảm 16,22% nên giá điện thương phẩm tăng khoảng 2%

Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, với tình hình dự báo khí tượng thủy văn trong năm 2020. Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Các nội dung công việc cần tập trung chỉ đạo thực hiện trong năm 2020

a. Về sản xuất kinh doanh:

Các chỉ tiêu chính HĐQT đề nghị Đại hội xem xét quyết định gồm:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2020	THỰC HIỆN 2019	SỐ SÁNH (%)
A	B	C	1	2	3=1/2
1	Điện thương phẩm	Triệu Kwh	23,5	23,29	100,9
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	26.424	26.274	100,57
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	19.924	19.575	101,78
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	6.500	6.699	97,02
5	Thuế TNDN	Triệu đồng	339	349	97,13
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	6.161	6.350	97,02
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	2.012	2.074	97,01

b. Những công việc khác:

Giám sát, đôn đốc Công ty thực hiện những nội dung đã được ĐHĐCD thống nhất và HĐQT quyết định gồm:

- Tổ chức thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động cho CBCNV, đảm bảo vận hành an toàn cho người và thiết bị. Khai thác có hiệu quả nguồn nước về để đạt doanh thu cao nhất;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV theo quy định
- Tổ chức nạo vét định kỳ lòng hồ đập chính theo các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Bảo dưỡng định kỳ các tổ máy phát, turbine; kiểm tra, thí nghiệm các thiết bị điện
- Bảo dưỡng hầm van xả khu vực máy phát;
- Lập các phương án PCTT, phòng chống lũ hạ du định kỳ hàng năm.
- Nghiên cứu phát triển dự án năng lượng mặt trời tại khu vực nhà máy Ea Drăng 2
- Thực hiện các quyết định theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Giải pháp thực hiện

- Tập trung chỉ đạo tổ chức vận hành nhà máy đạt hiệu quả cao nhất.
- Nắm chắc tình trạng kỹ thuật của thiết bị, hệ thống thủy công. Kịp thời khắc phục những khiếm khuyết, làm tốt công tác bảo dưỡng, thí nghiệm định kỳ để đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.
- Chăm lo chu đáo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, tạo điều kiện làm việc thuận lợi để người lao động gắn bó lâu dài với doanh nghiệp.
- Quản lý chặt chẽ thu chi tài chính, cân đối dòng tiền, giải quyết hài hòa việc trả nợ gốc, trả lãi cho ngân hàng và trả nợ cho nhà thầu thi công.
- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy định pháp luật liên quan tới hoạt động sản xuất điện năng cũng như các yêu cầu của chính quyền địa phương các cấp tới Công ty.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động SXKD trong năm 2019 và chương trình hoạt động năm 2020. Kính mong các Quý cổ đông đóng góp ý kiến để HĐQT hoạt động hiệu quả hơn nhằm hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCD giao.

Trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Trọng

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

Kính thưa: Quý Cổ đông.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk;

- Căn cứ Báo cáo Tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2019 của công ty (đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt) và tình hình hoạt động SXKD năm 2019 của Công ty CP Thủy điện Điện lực Đắk Lắk,

Ban Kiểm soát báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và thẩm định kết quả về sản xuất kinh doanh năm 2019; kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và báo cáo tự đánh giá của Ban kiểm soát trong năm 2019 của Công ty CP Thủy điện Điện lực Đắk Lắk thời điểm 31/12/2019 như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2019

Giám sát, kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2019 của Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) và Ban Điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động kinh doanh trong năm 2019 theo các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2019.

Kiểm tra và giám sát việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Điều hành.

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính của Công ty năm 2019 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

Trong năm 2019 Ban Kiểm Soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban Kiểm Soát, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong năm 2019.

II. Kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm Soát

1. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

Ban Kiểm Soát đánh giá cao việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt làm công ty kiểm toán. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán, kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

Ban Kiểm Soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty. Những số liệu chính về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	So với 31/12/2018
A	TỔNG TÀI SẢN	102.602	95.508	-7.093
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	14.454	13.117	-1.337
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	10.647	7.770	-2.877
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	
3	Phải thu ngắn hạn	3.258	4.798	+1.540
4	Hàng tồn kho	549	549	0
5	Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	88.147	82.391	-5.756
1	Phải thu dài hạn	-	-	
2	Tài sản cố định	86.814	81.634	-5.180
3	Bất động sản đầu tư	-	-	
4	Tài sản dở dang dài hạn	237	0	-237
5	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	
6	Tài sản dài hạn khác	1.096	757	-339
B	TỔNG NGUỒN VỐN	102.601	95.508	-7.093
I	Nợ phải trả	67.514	59.613	-7.901
1	Nợ ngắn hạn	7.437	3.489	-3.948
2	Nợ dài hạn	60.077	56.124	-3.953

II	Vốn chủ sở hữu	35.087	35.895	+808
1	Vốn góp của chủ sở hữu	28.778	28.778	0
2	Quxy đầu tư phát triển	-	719	+719
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.309	6.398	+89

2. Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong năm 2019, Ban Kiểm Soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Công ty đã hoàn toàn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch Năm 2019	Thực hiện Năm 2018	Thực hiện Năm 2019	TH/KH năm 2019(%)	So với năm 2018 (%)
1	Doanh thu thuần	Tr.đ	24.120	29.171	26.483	109,79	90,78%
2	L.nhuận trước thuế	Tr.đ	4.740	8.891	6.698	141,31%	75,34%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.490	8.430	6.349	143,41%	75,32%

Trong năm 2019 Công ty còn được ưu đãi về thuế, nên Công ty chỉ đóng thuế TNDN số tiền là 349 triệu đồng.

3. Về công tác quản trị và điều hành

a. Hội đồng quản trị:

HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

HĐQT đã thực hiện hợp lệ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ

đồng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

b. Ban Điều hành

Ban Kiểm Soát nhận thấy rằng Ban Điều hành đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty với hiệu quả cao và tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT.

4. Kết luận và kiến nghị:

Các hoạt động của Công ty trong năm qua tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT. Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết.

Trong năm 2020, Ban Kiểm Soát kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành như sau:

- Duy trì tính ổn định và gia tăng hiệu vận hành các tổ máy;
 - Nâng cao tính hiệu lực và áp dụng nghiêm các biện pháp chế tài trong thực hiện các qui định, nội quy, quy chế hoạt động của Công ty;
 - Tăng cường công tác dự báo để hạn chế rủi ro trong các hoạt động kinh doanh.
- Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Kính chúc cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban



Lê Nữ Hồng Nhung

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toàn, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐÀK LAK

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000596136 ngày 31/10/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk, theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập cho đến nay, Công ty đã 06 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/05/2016.

Vốn điều lệ: 28.778.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2019: 28.778.000.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Phòng 6, tầng 2, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
- Điện thoại : (+84) 0262 – 2 240 159
- Fax : (+84) 0262 – 3 950 817

3. Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư, xây dựng, khai thác và quản lý vận hành nhà máy thủy điện,...

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1. Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đức Trọng	Chủ tịch	24/04/2017	
Ông Nguyễn Quang Toàn	Thành viên	24/04/2017	
Ông Bùi Văn Tuấn	Thành viên	24/04/2017	

4.2. Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Nữ Hồng Nhung	Trưởng ban	24/04/2017	
Ông Nguyễn Văn Vinh	Thành viên	24/04/2017	
Bà Hoàng Thị Thu Trang	Thành viên	24/04/2017	



4.3. Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Toàn	Giám đốc	24/04/2017	
Ông Bùi Văn Tuấn	Phó Giám đốc	28/08/2007	
Bà Mai Thị Thu Thảo	Kế toán trưởng	24/04/2017	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Toàn	Giám đốc

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đak Lak cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 31.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc niên độ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban C

NGUYỄN QUANG TOÀN

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 02 năm 2020



Số: 02/2020/BCKT/AUD-DNVVLUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đak Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2020, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đak Lak tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- **VIETVALUES**



Trần Xuân Thanh - P.Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 1650-2018-071-1

Chữ ký được uỷ quyền

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		13.117.212.858	14.454.230.222
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	7.769.907.281	10.646.799.572
111	1. Tiền		3.265.589.848	3.039.912.372
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.504.317.433	7.606.887.200
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.798.400.494	3.258.448.026
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	4.673.522.007	3.131.008.412
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	105.000.000	105.000.000
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	19.878.487	22.439.614
137	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		548.750.000	548.750.000
141	1. Hàng tồn kho	V.5	548.750.000	548.750.000
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		155.083	232.624
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	155.083	232.624
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		82.390.935.528	88.147.343.135
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		81.633.923.792	86.813.791.276
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	81.557.228.743	86.737.096.227
222	- Nguyên giá		130.423.953.459	130.168.623.806
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(48.866.724.716)	(43.431.527.579)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.7	76.695.049	76.695.049
228	- Nguyên giá		156.695.049	156.695.049
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(80.000.000)	(80.000.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	237.439.653
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	-	237.439.653
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		757.011.736	1.096.112.206
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9	757.011.736	1.096.112.206
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		95.508.148.386	102.601.573.357

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, P. Tạt An, tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, VN

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		59.612.838.259	67.514.202.514
310	I. Nợ ngắn hạn		3.488.829.922	7.436.804.177
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	1.000.000.000	2.252.917.114
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	1.820.738.513	1.137.519.132
314	4. Phải trả người lao động	V.12	197.354.633	543.905.162
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	62.938.860	67.098.333
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	170.407.916	3.195.982.436
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15a	-	93.260.000
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	237.390.000	146.122.000
330	II. Nợ dài hạn		56.124.008.337	60.077.398.337
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15b	56.124.008.337	60.077.398.337
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		35.895.310.127	35.087.370.843
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	35.895.310.127	35.087.370.843
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		28.778.000.000	28.778.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		28.778.000.000	28.778.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		719.450.000	-
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.397.860.127	6.309.370.843
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		47.946.843	756.760.195
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		6.349.913.284	5.552.610.648
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		95.508.148.386	102.601.573.357

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng





HỒ THỊ THANH THỦY

MAI THỊ THU THẢO

NGUYỄN QUANG TOÀN

CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, P. Tụ An, tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, VN

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	26.092.365.066	29.171.104.009
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.092.365.066	29.171.104.009
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	11.366.666.082	12.066.230.770
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.725.698.984	17.104.873.239
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	182.057.071	320.576.071
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	6.465.754.646	6.702.523.871
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		6.465.754.646	6.702.523.871
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	1.690.419.942	1.849.888.675
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.751.581.467	8.873.036.764
31	11. Thu nhập khác	VI.6	209.400.000	18.378.334
32	12. Chi phí khác		262.341.511	-
40	13. Lợi nhuận khác		(52.941.511)	18.378.334
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.698.639.956	8.891.415.098
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.11	348.726.672	461.004.450
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.349.913.284	8.430.410.648
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	2.074	2.754
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	2.074	2.754

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

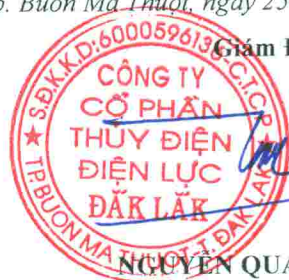
Kế toán trưởng



HỒ THỊ THANH THỦY



MAI THỊ THU THẢO



Giám Đốc

NGUYỄN QUANG TOÀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

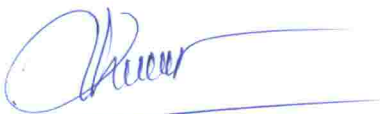
ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		6.698.639.956	8.891.415.098
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.6, V.7	5.435.197.137	5.414.694.900
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(182.057.071)	(320.576.071)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	6.465.754.646	6.702.523.871
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.417.534.668	20.688.057.798
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.554.436.054)	1.567.644.202
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	(99.590.000)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(1.109.393.454)	(1.813.980.502)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		339.100.470	(765.799.480)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(6.469.914.119)	(6.708.259.382)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.11	(320.000.000)	(270.000.000)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(414.556.000)	(587.684.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.888.335.511	12.010.388.636
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(17.890.000)	(338.232.273)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		196.618.198	342.304.976
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		178.728.198	4.072.703
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.1	(4.046.650.000)	(5.482.090.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.897.306.000)	(10.907.482.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(11.943.956.000)	(16.389.572.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.876.892.291)	(4.375.110.661)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.646.799.572	15.021.910.233
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	7.769.907.281	10.646.799.572

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng



HỒ THỊ THANH THỦY



MAI THỊ THU THẢO



 Giám đốc
 NGUYỄN QUANG TOÀN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đak Lak (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000596136 ngày 31/10/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập cho đến nay, Công ty đã 06 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 19/05/2016.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực khai thác và sản xuất điện năng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là đầu tư, xây dựng, khai thác và quản lý vận hành nhà máy thủy điện,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty không có đơn vị trực thuộc không có pháp nhân hạch toán phụ thuộc và không đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 16 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 17 nhân viên).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Chi phí trồng bù rừng

Chi phí trồng bù rừng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuộc dự án thủy điện.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	10 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Hết khấu hao

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán thành phẩm điện năng

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tụ An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.260.997	3.151.206
Tiền gửi ngân hàng	3.262.328.851	3.036.761.166
Các khoản tương đương tiền (*)	4.504.317.433	7.606.887.200
Cộng	7.769.907.281	10.646.799.572

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi kỳ hạn có thời hạn < 3 tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>4.673.522.007</i>	<i>3.131.008.412</i>
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	4.673.522.007	3.131.008.412
Cộng	4.673.522.007	3.131.008.412

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>105.000.000</i>	<i>105.000.000</i>
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Thương mại	90.000.000	90.000.000
- Các nhà cung cấp khác	15.000.000	15.000.000
Cộng	105.000.000	105.000.000

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>7.878.487</i>	-	<i>22.439.614</i>	-
- Lãi dự thu	7.878.487	-	22.439.614	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	<i>12.000.000</i>	-	-	-
Cộng	19.878.487	-	22.439.614	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tị An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	548.750.000	-	548.750.000	-
Cộng	548.750.000	-	548.750.000	-

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	82.741.128.091	46.607.200.737	784.268.650	36.026.328	130.168.623.806
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
XDCB hoàn thành	-	255.329.653	-	-	255.329.653
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	82.741.128.091	46.862.530.390	784.268.650	36.026.328	130.423.953.459
<i>Trong đó:</i>					
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	36.026.328	36.026.328
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	22.482.128.027	20.600.106.698	313.266.526	36.026.328	43.431.527.579
Khấu hao trong năm	2.964.726.947	2.390.346.141	80.124.049	-	5.435.197.137
T/lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối năm	25.446.854.974	22.990.452.839	393.390.575	36.026.328	48.866.724.716
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	60.259.000.064	26.007.094.039	471.002.124	-	86.737.096.227
Số cuối năm	57.294.273.117	23.872.077.551	390.878.075	-	81.557.228.743

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 80.192.728.555 đồng đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (Xem tại Thuyết minh số V.15).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	76.695.049	80.000.000	156.695.049
Mua trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	76.695.049	80.000.000	156.695.049
<i>Trong đó:</i>			
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	80.000.000	80.000.000
- Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	80.000.000	80.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	-	80.000.000	80.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	76.695.049	-	76.695.049
Số cuối năm	76.695.049	-	76.695.049

Quyền sử dụng đất tại Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 38 Nguyễn Công Trứ, Phường Tự An, TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk; được sử dụng để làm văn phòng Công ty, thời gian sử dụng lâu dài.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	237.439.653	17.890.000	255.329.653	-
- Lắp đặt thiết bị kết nối Scada	237.439.653	17.890.000	255.329.653	-
Cộng	237.439.653	17.890.000	255.329.653	-

9. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	81.337.779	146.849.550
Chi phí sửa chữa tài sản	143.064.270	381.073.653
Chi phí trồng bù rừng	532.479.077	567.535.889
Chi phí dài hạn khác	130.610	653.114
Cộng	757.011.736	1.096.112.206

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.096.112.206	330.312.726
Tăng trong năm	17.900.000	1.020.553.682
Phân bổ trong năm	(357.000.470)	(254.754.202)
Số dư cuối năm	757.011.736	1.096.112.206

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>2.252.917.114</i>
- Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng 470	1.000.000.000	2.252.917.114
Cộng	1.000.000.000	2.252.917.114

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	859.241.425	-	2.469.424.820	1.981.812.750	1.346.853.495	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	182.724.555	-	348.726.672	320.000.000	211.451.227	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.400.000	-	441.782.395	437.337.972	6.844.423	-
Thuế tài nguyên	93.153.152	-	2.165.436.739	2.003.000.523	255.589.368	-
Thuế nhà đất	-	232.624	77.541	-	-	155.083
Các loại thuế khác	-	-	26.020.000	26.020.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	291.119.000	291.119.000	-	-
Cộng	1.137.519.132	232.624	5.742.587.167	5.059.290.245	1.820.738.513	155.083

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với điện thương phẩm là 10%; các hoạt động khác áp dụng theo mức thuế suất quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Riêng đối với thu nhập từ dự án Nhà máy thủy điện Ea Drăng 2 tại xã Ea Wy, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk thì được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2011 đến năm 2026), được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án này, do vậy Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014 đến năm 2017 và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 2018 đến năm 2026. Những ưu đãi trên được quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thu hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.698.639.956	8.891.415.098
- Hoạt động kinh doanh chính	6.698.639.956	8.873.036.764
- Hoạt động khác	-	18.378.334
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để	275.893.477	273.538.897
- Các khoản điều chỉnh tăng	275.893.477	273.538.897
+ Chi phí điều chỉnh tăng khi tính thuế	275.893.477	273.538.897
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.974.533.433	9.164.953.995
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	6.974.533.433	9.164.953.995
- Hoạt động kinh doanh chính	6.974.533.433	9.146.575.661
- Hoạt động khác	-	18.378.334
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	697.453.344	918.333.234
- Hoạt động kinh doanh chính	697.453.344	914.657.567
- Hoạt động khác	-	3.675.667
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	348.726.672	457.328.784
Chi phí thuế TNDN hiện hành	348.726.672	461.004.450

Tiền thuê đất, tiền sử dụng đất

Đối với đất sử dụng thuộc Dự án Nhà máy thủy điện Ea Drăng 2 tại xã Ea Wy, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk được miễn tiền thuê đất đối với diện tích được giao. Mặt khác, Công ty còn được miễn tiền phí sử dụng đất phi nông nghiệp trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

12. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	197.354.633	543.905.162
Cộng	197.354.633	543.905.162

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí lãi vay	62.938.860	67.098.333
Cộng	62.938.860	67.098.333

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	170.407.916	3.195.982.436
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	26.903.708	26.592.276
- Cổ tức phải trả	44.802.000	2.905.958.000
- Quỹ Bảo vệ Phát triển Rừng tỉnh Đắk Lắk (*)	98.702.208	263.432.160
Cộng	170.407.916	3.195.982.436

(*) Là khoản phí dịch vụ môi trường rừng còn phải trả Quỹ bảo vệ Phát triển Rừng tỉnh Đắk Lắk.

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	-	-	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	93.260.000	93.260.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	93.260.000	93.260.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	-	-
Cộng	-	-	93.260.000	93.260.000

15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	56.124.008.337	56.124.008.337	60.077.398.337	60.077.398.337
Cộng	56.124.008.337	56.124.008.337	60.077.398.337	60.077.398.337

Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk được thể hiện tại Hợp đồng tín dụng 0015/2015/HĐTD-ĐN ngày 10/04/2015, nội dung cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tụ An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Mục đích vay: tái tài trợ khoản vay chi phí đầu tư dự án thủy điện Ea Drăng 2 tại huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk
- Thời hạn vay: 192 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên.
- Lãi suất: 8,5% cố định trong vòng 12 tháng đầu tiên. Từ tháng 13 trở đi áp dụng lãi suất thả nổi.
- Tài sản thế chấp: được thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 0015/2015/BĐ ngày 29/06/2015 và Hợp đồng thế chấp số 0015.2/2015/BĐ ngày 29/06/2015 với giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp các khoản vay là 80.192.728.555 đồng (Xem thuyết minh V.6).

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	146.122.000	505.824.000	414.556.000	237.390.000
Cộng	146.122.000	505.824.000	414.556.000	237.390.000

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	28.778.000.000	-	8.109.506.195	36.887.506.195
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	8.430.410.648	8.430.410.648
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(733.806.000)	(733.806.000)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(9.496.740.000)	(9.496.740.000)
Số dư cuối năm trước	28.778.000.000	-	6.309.370.843	35.087.370.843
Số dư đầu năm nay	28.778.000.000	-	6.309.370.843	35.087.370.843
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	6.349.913.284	6.349.913.284
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	719.450.000	(719.450.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(505.824.000)	(505.824.000)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(5.036.150.000)	(5.036.150.000)
Số dư cuối năm nay	28.778.000.000	719.450.000	6.397.860.127	35.895.310.127

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tị An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Bà Nguyễn Thị Liên	1.500.000.000	1.500.000.000
Vốn góp của Từ Ngọc Thanh	1.445.000.000	1.432.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	25.833.000.000	25.846.000.000
Cộng	28.778.000.000	28.778.000.000

17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	28.778.000.000	28.778.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	28.778.000.000	28.778.000.000
- Cổ tức đã chia	5.036.150.000	9.496.740.000

17d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.877.800	2.877.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.877.800	2.877.800
- Cổ phiếu thường	2.877.800	2.877.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.877.800	2.877.800
- Cổ phiếu thường	2.877.800	2.877.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

17e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên của Công ty số 55/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2019 đã quyết định chia cổ tức năm 2018 là 27,5%/vốn điều lệ tương ứng số tiền: 7.913.950.000 đồng. Theo đó, trừ đi số đã tạm phân phối trong năm 2018, phần còn lại được phân phối trong năm 2019 là 5.036.150.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm (điện thương phẩm)	26.092.365.066	29.171.104.009
Cộng	<u>26.092.365.066</u>	<u>29.171.104.009</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm (điện thương phẩm)	11.366.666.082	12.066.230.770
Cộng	<u>11.366.666.082</u>	<u>12.066.230.770</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	182.057.071	320.576.071
Cộng	<u>182.057.071</u>	<u>320.576.071</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.465.754.646	6.702.523.871
Cộng	<u>6.465.754.646</u>	<u>6.702.523.871</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	787.496.515	872.028.577
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.750.500	97.750.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.591.804	167.036.906
Chi phí khác	641.581.123	713.072.692
Cộng	<u>1.690.419.942</u>	<u>1.849.888.675</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tụ An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	209.400.000	-
Tiền chênh lệch xử lý	-	18.378.334
Cộng	209.400.000	18.378.334

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khắc phục sự cố do thiên tai	259.400.000	-
Phạt vi phạm hành chính	2.941.511	-
Cộng	262.341.511	-

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.349.913.284	8.430.410.648
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(380.995.000)	(505.824.000)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(380.995.000)	(505.824.000)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	5.968.918.284	7.924.586.648
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.877.800	2.877.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	2.074	2.754

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm trích tỷ lệ 6% theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 55/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột,
tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.877.800	2.877.800
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong	2.877.800	2.877.800

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	5.968.918.284	7.924.586.648
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển	-	-
đổi		
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.968.918.284	7.924.586.648
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy	2.877.800	2.877.800
giảm trên cổ phiếu		
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.074	2.754

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	151.410.000
Chi phí nhân công	2.254.882.355	2.521.841.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.435.197.137	5.414.694.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	543.200.469	797.845.110
Chi phí khác	4.823.806.063	5.030.327.492
Cộng	13.057.086.024	13.916.119.445

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐAK LAK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm nay	Năm trước
Tiền chi trả nợ vay theo kế ước thông thường	4.046.650.000	5.482.090.000
Cộng	4.046.650.000	5.482.090.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty chỉ có giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị	893.282.500	1.183.954.000
Thù lao	132.000.000	132.000.000
Cổ tức	761.282.500	1.051.954.000
Ban điều hành	376.707.148	383.479.855
Tiền lương	376.707.148	383.479.855
Cổ tức	-	-
Ban kiểm soát	108.575.000	122.540.000
Thù lao	72.000.000	72.000.000
Cổ tức	36.575.000	50.540.000
Cộng	1.378.564.648	1.689.973.855

2. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất điện thương phẩm.

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK

Phòng 6, tầng 2, khu B, Chung cư Hoàng Anh Gia Lai, 33 Nguyễn Công Trứ, phường Tụ An, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 02 năm 2020



HỒ THỊ THANH THỦY

Người lập biểu



MAI THỊ THU THẢO

Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG TOÀN

Giám đốc



Số: 47/2020/DPHC – HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 24 tháng 03 năm 2020

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Năm 2019)**

Kính gửi:

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

- Tên công ty đại chúng: Công ty CP thủy điện điện lực Đắk Lắk
- Địa chỉ trụ sở chính: P.6, T.2 Khu B, CC HAGL, 33 Nguyễn Công Trứ, Phường Tự An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Điện thoại: 0262.2240159, Fax: 0262.3950817, website: dphc.com.vn
- Vốn điều lệ: 28.778.000.000 đồng
- Vốn thực góp: 28.778.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: EAD

1. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông (Báo cáo năm 2019):

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	55/2019/NQ- ĐHĐCĐ	20/04/2019	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty CP thủy điện điện lực Đắk Lắk

2. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm 2019):

2.1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Đức Trọng	Chủ tịch	24/04/2017	07/07	100%	
2	Ông Nguyễn Quang Toàn	Thành viên	24/04/2017	07/07	100%	
3	Ông Bùi Văn Tuấn	Thành viên	24/04/2017	07/07	100%	

2.2. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc:

- Hội đồng quản trị làm việc theo đúng phân công nhiệm vụ tại các kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên và đúng theo điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị họp giao ban hàng tháng, quý với Ban giám đốc nhằm thực hiện giám sát công tác điều hành của Ban giám đốc; chỉ đạo đề ra phương hướng giải quyết và đưa ra nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của tháng, quý tiếp theo.

- Công tác chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc: trong năm 2019 thời tiết tương đối thuận lợi nên tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty đạt và vượt chỉ tiêu so với Nghị quyết ĐHCD năm 2019.

- Chỉ đạo các công tác khác:

- + Chia cổ tức phần còn lại của năm 2018 cho cổ đông (1,75%/VĐL)
- + Tổ chức thành công Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- + Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 là Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng
- + Thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

2.3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

3. Nghị quyết và biên bản của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết/ biên bản	Ngày	Nội dung
1	Biên bản họp số: 01/2019/BB-HĐQT	08/01/2019	Thông qua Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh quý 4/2018, và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 1/2019. Thông qua báo cáo của Giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 và kế hoạch năm 2019
2	Biên bản họp số: 02/2019/BB-HĐQT	01/03/2019	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự đại hội: 25/03/2019. Ngày tổ chức đại hội: 20/04/2019. Địa điểm tại TP Buôn Ma Thuột tỉnh Đắk Lắk (Địa chỉ cụ thể sẽ thông báo trong thư mời). Thống nhất các Tài liệu trình trong Đại hội. Giao cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.
3	Nghị quyết số: 25/2019/NQ-HĐQT	01/03/2019	Về việc: Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
4	Biên bản họp số: 03/2019/BB-HĐQT	19/04/2019	Thông qua Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh quý 1/2019, và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 2/2019. Thống nhất theo sự phân công nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT cho từng thành viên phục vụ chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
5	Biên bản họp số: 04/2019/BB-HĐQT	22/04/2019	Thông qua việc thực hiện chi trả cổ tức phần còn lại của năm 2018
6	Nghị quyết số: 56/2019/NQ-HĐQT	22/04/2019	Về việc thực hiện chi trả cổ tức phần còn lại của năm 2018
7	Biên bản họp số: 05/2019/BB-HĐQT	02/05/2019	Giao cho giám đốc Công ty lên phương án làm điện áp mái tại khu vực Nhà máy thủy điện Ea Đrăng 2. Tận dụng nguồn vốn có sẵn và vay vốn lưu động ngắn hạn. Công suất khoảng 200kw
8	Biên bản họp số: 06/2019/BB-HĐQT	18/07/2019	Thông qua Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh quý 2/2019, và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3/2019. Về phương án điện áp mái tại khu vực Nhà máy thủy điện Ea Đrăng 2 tạm dừng chờ có giá bán điện mới.
9	Biên bản họp số: 07/2019/BB-HĐQT	25/10/2019	Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 là Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Thông qua Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh quý 3/2019, và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4/2019
10	Nghị quyết số: 108/2019/NQ-HĐQT	28/10/2019	Về việc: lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

4. Ban kiểm soát

4.1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

Tên	Chức vụ	Năm sinh	Tỷ lệ nắm giữ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Lê Nữ Hồng Nhung	Trưởng ban	1976	0,243%	24/04/2017	
Nguyễn Văn Vinh	Thành viên	1964	0,243%	24/04/2017	
Hoàng Thị Thu Trang	Thành viên	1980	0%	24/04/2017	

4.2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Năm 2019 Ban Kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Đại diện Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến vào các cuộc họp của HĐQT, theo sát tình hình hoạt động và định hướng phát triển của Công ty và tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- Xem xét việc chỉ đạo và triển khai hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng tháng, hàng quý và báo cáo kiểm toán năm 2019 của Công ty.

4.3. Hoạt động khác của BKS: Không có

5. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia: Không có

6. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán: Không có

7. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan (năm 2019): Không có

8. Các giao dịch khác: (Các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người có liên quan với chính Công ty): Không có

- Họ và tên: Từ Ngọc Thanh
- Quốc tịch: Việt nam
- Số CMND: 240624734, ngày cấp 22/02/2013, nơi cấp: Công an Đắk Lắk
- Địa chỉ liên hệ: 171A Hùng Vương, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại: 0914484818
- Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (Đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ): Không
- Tên cổ phiếu /mã chứng khoán sở hữu: Công ty cổ phần thủy điện điện lực Đắk Lắk. Mã chứng khoán: EAD.
- Các tài khoản giao dịch có chứng khoán EAD: 007C564285 Tại Công ty chứng khoán: Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam.
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 143.500 cổ phiếu, tương đương 4,98% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phiếu đã mua: 1.000 cổ phiếu và trở thành cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên.
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 144.500 cổ phiếu, tương đương 5,02% vốn điều lệ.
- Ngày thực hiện giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn: 02 tháng 04 năm 2019.

9. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Trọng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
ĐIỆN LỰC ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2020/TT-DPHC

Buôn Ma Thuột, ngày 18 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP thủy điện điện lực Đắk Lắk

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt, ký ngày 25 tháng 02 năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông EAD;
 - HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
 - Lưu VT; HĐQT.
- (Tài liệu ĐHCĐ 2020).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Trọng

Số: 52/2020/TT-DPHC

Buôn Ma Thuột, ngày 18 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH

*V/v phân phối lợi nhuận năm 2019
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP thủy điện điện lực Đắk Lắk

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Thủy điện Điện lực Đắk Lắk;
- Căn cứ báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2019

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 chuyển qua:	47.946.843 đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019:	6.349.913.284 đồng
Tổng Lợi nhuận:	6.397.860.127 đồng

Phân phối Lợi nhuận như sau:

- | | |
|--|--------------------|
| 1.1. Trích quỹ khen thưởng tỷ lệ 4%/LN 2019: | 253.996.531 đồng |
| 1.2. Trích quỹ phúc lợi tỷ lệ 2%/LN 2019: | 126.998.266 đồng |
| 1.3. Trích quỹ Đầu tư phát triển 0,5%/VĐL | 143.890.000 đồng |
| 1.4. Chia cổ tức cho cổ đông tỷ lệ 20%/VĐL: | 5.755.600.000 đồng |
| (Đã tạm ứng: 14%/VĐL) | |

Chuyển lợi nhuận qua năm 2020: 117.375.330 đồng

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 chuyển qua:	117.375.330 đồng
Dự kiến Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020:	6.161.233.150 đồng
Tổng Lợi nhuận dự kiến :	6.278.608.480 đồng

Phân phối Lợi nhuận như sau:

- | | |
|--|--------------------|
| 2.1. Dự kiến trích quỹ khen thưởng tỷ lệ 4%/LN 2020: | 246.449.326 đồng |
| 2.2. Dự kiến trích quỹ phúc lợi tỷ lệ 2%/LN 2020: | 123.224.663 đồng |
| 2.3. Dự kiến trích quỹ Đầu tư phát triển 0,5%/VĐL | 143.890.000 đồng |
| 2.3. Dự kiến chia cổ tức: | 5.755.600.000 đồng |

(Tỷ lệ chia cổ tức trên vốn chủ sở hữu: 20%)

Chuyển lợi nhuận qua năm 2021: 9.444.491 đồng

Giao cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh lựa chọn thời gian thích hợp để tạm ứng, chi cổ tức cho cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhân :

- Cổ đông EAD;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

(Tài liệu ĐHCĐ 2020).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TỜ TRÌNH

V/v: **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP thủy điện điện lực Đắk Lắk

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Thủy điện Điện lực Đắk Lắk;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

- Sản lượng điện thương phẩm	23.500.000 kW/h
- Tổng doanh thu	26.424.492.000 Đồng
- Tổng chi phí	19.924.615.000 Đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế	6.499.877.000 Đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế	6.161.233.150 Đồng

2. Kế hoạch chi phí năm 2020

- Chi phí lãi vay	5.949.145.000 Đồng
- Khấu hao TSCĐ	5.437.325.000 Đồng
- Phân bổ CPDH	500.000.000 Đồng
- Chi phí hoạt động công ty	4.317.682.000 Đồng
+ Tổng quỹ lương (1,7%/Doanh thu +1,6 tỷ đồng)	2.047.516.000 Đồng
+ Các khoản trích theo lương	481.166.000 Đồng
+ Chi tiền ăn ca	189.000.000 Đồng
+ Chi phí mua bảo hiểm công trình	300.000.000 Đồng
+ Chi phí SCTX + bảo dưỡng	650.000.000 Đồng
+ Chi phí khác	650.000.000 Đồng
- Tiền thù lao HĐQT + BKS + Thư ký HĐQT	222.000.000 Đồng
- Thuế tài nguyên nước	2.190.717.000 Đồng
- Phí dịch vụ môi trường rừng	846.000.000 Đồng
- Phí cấp quyền khai thác nước	291.120.000 Đồng
- Chi nghỉ dưỡng, tham quan, học tập ...	170.626.000 Đồng

3. Xác định quỹ lương năm 2020

Cách xác định quỹ lương năm 2020 bằng 1,7% doanh thu bán điện thương phẩm cộng với 1.600.000.000 đồng)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận :

- Cổ đông EAD;
 - HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
 - Lưu VT; HĐQT.
- (Tài liệu ĐHCĐ 2020).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
THỦY ĐIỆN
ĐIỆN LỰC
ĐẮK LẮK
Nguyễn Đức Trọng

Số: 54/2020/TT-DPHC

Buôn Ma Thuột, ngày 18 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v thông qua thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP thủy điện điện lực Đắk Lắk

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Thủy điện Điện lực Đắk Lắk;
- Căn cứ báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua mức chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2020:

Chủ tịch HĐQT	5.000.000	Đồng/Tháng
Thành viên HĐQT	3.000.000	Đồng/Tháng
Trưởng ban kiểm soát	3.000.000	Đồng/Tháng
Thành viên ban kiểm soát	1.500.000	Đồng/Tháng
Thư ký HĐQT	1.500.000	Đồng/Tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.
Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông EAD;
 - HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký HĐQT;
 - Lưu VT; HĐQT.
- (Tài liệu ĐHCĐ 2020).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Đức Trọng

Số : 55/2020/TT-DPHC

Buôn Ma Thuột, ngày 18 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Thủy điện Điện lực Đắk Lắk

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk.

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 như sau:

Để thuận lợi trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông EAD;
 - HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký HĐQT;
 - Lưu VT; HĐQT.
- (Tài liệu ĐHCĐ 2020).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Trọng

- Tán thành : cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Không có ý kiến: cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

1. Phân phối lợi nhuận năm 2019

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 chuyển qua:	47.946.843	đồng
Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019:	6.349.913.284	đồng
Tổng Lợi nhuận:	6.397.860.127	đồng
Phân phối Lợi nhuận như sau:		
1.1. Trích quỹ khen thưởng tỷ lệ 4%/LN 2019:	253.996.531	đồng
1.2. Trích quỹ phúc lợi tỷ lệ 2%/LN 2019:	126.998.266	đồng
1.3. Trích quỹ Đầu tư phát triển 0,5%/VĐL	143.890.000	đồng
1.4. Chia cổ tức cho cổ đông tỷ lệ 20%/VĐL: (Đã tạm ứng: 14%/VĐL)	5.755.600.000	đồng
Chuyển lợi nhuận qua năm 2020:	117.375.330	đồng

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 chuyển qua:	117.375.330	đồng
Dự kiến Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020:	6.161.233.150	đồng
Tổng Lợi nhuận dự kiến :	6.278.608.480	đồng
Phân phối Lợi nhuận như sau:		
2.1. Dự kiến trích quỹ khen thưởng tỷ lệ 4%/LN 2020:	246.449.326	đồng
2.2. Dự kiến trích quỹ phúc lợi tỷ lệ 2%/LN 2020:	123.224.663	đồng
2.3. Dự kiến trích quỹ Đầu tư phát triển 0,5%/VĐL	143.890.000	đồng
2.3. Dự kiến chia cổ tức:	5.755.600.000	đồng
(Tỷ lệ chia cổ tức trên vốn chủ sở hữu: 20%)		
Chuyển lợi nhuận qua năm 2021:	9.444.491	đồng

Giao cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh lựa chọn thời gian thích hợp để tạm ứng, chi cổ tức cho cổ đông.

Phản biểu quyết:

- Tán thành : cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 6: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

- Sản lượng điện thương phẩm	23.500.000	kW/h
- Tổng doanh thu	26.424.492.000	Đồng
- Tổng chi phí	19.924.615.000	Đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế	6.499.877.000	Đồng
- Tổng lợi nhuận sau thuế	6.161.233.150	Đồng
2. Kế hoạch chi phí năm 2020	19.924.615.000	Đồng
- Chi phí lãi vay	5.949.145.000	Đồng
- Khấu hao TSCĐ	5.437.325.000	Đồng
- Phân bổ CPDH	500.000.000	Đồng

6.000
CÔNG
CỐ PH
HUY
DIỆN
ĐẮK L
A THU

- Chi phí hoạt động công ty	4.317.682.000	Đồng
+ Tổng quỹ lương (1,7%/Doanh thu +1,6 tỷ đồng)	2.047.516.000	Đồng
+ Các khoản trích theo lương	481.166.000	Đồng
+ Chi tiền ăn ca	189.000.000	Đồng
+ Chi phí mua bảo hiểm công trình	300.000.000	Đồng
+ Chi phí SCTX + bảo dưỡng	650.000.000	Đồng
+ Chi phí khác	650.000.000	Đồng
- Tiền thù lao HĐQT + BKS + Thư ký HĐQT	222.000.000	Đồng
- Thuế tài nguyên nước	2.190.717.000	Đồng
- Phí dịch vụ môi trường rừng	846.000.000	Đồng
- Phí cấp quyền khai thác nước	291.120.000	Đồng
- Chi nghỉ dưỡng, tham quan, học tập ...	170.626.000	Đồng

3. Xác định quỹ lương năm 2020

Cách xác định quỹ lương năm 2020 bằng 1,7% doanh thu bán điện thương phẩm cộng với 1.600.000.000 đồng)

Phản biểu quyết:

- Tán thành : cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 7: Thông qua thù lao của HĐQT và BKS năm 2020

Chủ tịch HĐQT	5.000.000	Đồng/người/tháng
Thành viên HĐQT	3.000.000	Đồng/người/tháng
Trưởng ban kiểm soát	3.000.000	Đồng/người/tháng
Thành viên ban kiểm soát	1.500.000	Đồng/người/tháng
Thư ký HĐQT	1.500.000	Đồng/người/tháng

Phản biểu quyết:

- Tán thành : cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 8: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2020

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

Phản biểu quyết:

- Tán thành : cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không có ý kiến: cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 9: Thông qua Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2020.

Phản biểu quyết:

- Tán thành : cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Không có ý kiến: cổ phần, chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Thủy điện Điện lực Đắk Lắk gồm 9 điều được thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Cổ đông EAD;
 - HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
 - Lưu VT; HĐQT.
- (Tài liệu ĐHCĐ 2020)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Trọng

